

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án sân vận động xã Vĩnh An , huyện Vĩnh Lộc của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Nghị quyết số 163/NQ-HĐND ngày 23/5/2023 của Hội đồng nhân dân huyện Vĩnh Lộc về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023 huyện Vĩnh Lộc (lần 1); Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Lộc về việc phê duyệt dự án Sân vận động xã Vĩnh An;

Xét Văn bản số 10090/STNMT-BVMT ngày 30/10/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về Thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐTM Dự án sân vận động xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc của UBND xã Vĩnh An, Huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1497/Tr-STNMT ngày 09/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sân vận động xã Vĩnh An , huyện Vĩnh Lộc (sau đây gọi là Dự án) của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Vĩnh An, Huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sản xuất vận động xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An thực hiện tại xã Vĩnh An, Huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Lộc, Chủ tịch UBND xã Vĩnh An và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án sân vận động xã Vĩnh An , huyện Vĩnh Lộc
của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của
Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- **Tên dự án:** Sân vận động xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.
- Địa điểm thực hiện: xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.
- Chủ đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân xã Vĩnh An.
- + Người đại diện: Ông Hà Minh Đoan Chức vụ: Chủ tịch UBND xã
- + Địa chỉ: xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

a. Phạm vi

Khu đất thực hiện dự án có diện tích 9.001,4 m². Ranh giới khu vực thực hiện dự án có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc: Giáp đường bê tông;
- + Phía Tây Nam: Giáp đất nông nghiệp hiện trạng;
- + Phía Tây Bắc: Giáp đất nông nghiệp hiện trạng;
- + Phía Đông Nam: Giáp đường bê tông.

b. Quy mô dự án

Sân lấp khu vực sân vận động với diện tích là 9.001,4 m².

Sân vận động xã Vĩnh An không xây dựng chỗ ngồi. Công trình chủ yếu phục vụ người dân trong xã Vĩnh An.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Dự án chỉ thực hiện hạng mục sân trên khu đất có diện tích 9.001,4m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chiếm dụng đất lúa từ hai vụ trở lên thuộc chấp thuận chuyển đổi của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- *Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn thi công:*

- + Hoạt động thi công xây dựng trên công trường.
- + Hoạt động của cán bộ công nhân trên công trường.
- + Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu.

- *Hoạt động gây tác động xấu đến môi trường giai đoạn vận hành:*

- + Hoạt động lưu thông của các phương tiện ra vào sân vận động.
- + Hoạt động của phương tiện vận chuyển dụng cụ thể thao, vật dụng thiết

yếu cho hoạt động của dự án.

+ Hoạt động tổ chức các sự kiện trên sân vận động.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

- *Nước thải sinh hoạt công nhân:* Tổng lượng nước thải dự án là $1,14\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Trong đó: Nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân lưu lượng $0,66\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải từ quá trình ăn uống lưu lượng $0,048\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$; Nước thải vệ sinh lưu lượng $0,432\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu: Chất hoạt động bề mặt, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật gây bệnh,...

- *Nước thải xây dựng:* Tổng lượng nước thải dự án là $8,4\text{ m}^3/\text{ngày}$. Trong đó: Nước thải từ quá trình rửa lốp bánh xe khi phương tiện vận chuyển lưu lượng $6,4\text{ m}^3/\text{ngày}$; Nước thải vệ sinh dụng cụ, thiết bị thi công lưu lượng $2\text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu gồm: Cặn lơ lửng, dầu mỡ,...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường thi công $45,043\text{m}^3/\text{h}$. Thành phần chủ yếu: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

b. Quy mô, tính chất của khí thải:

Trong giai đoạn thi công xây dựng bụi, khí thải phát sinh trong quá trình giải phóng mặt bằng, phát quang thực vật, đào đắp, thi công san nền, thi công các hạng mục công trình, phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển, trút đổ nguyên vật liệu,...Thành phần chủ yếu gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂,...

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Phát sinh khoảng $10,6\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$. Trong đó: Chất thải rắn hữu cơ là $8,48\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$. Chất thải rắn vô cơ $2,12\text{ kg}/\text{ngày.đêm}$ trường. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- *Chất thải rắn xây dựng :*

+ Thực vật phát quang: $4,5\text{ tấn}$.

+ Đất rơi vãi khoảng $68,23\text{ tấn}$.

+ Đất đào bóc phong hóa khoảng $3.497,76\text{m}^3$.

- *Chất thải nguy hại:*

+ Chất thải nguy hại dạng rắn: $5\text{ kg}/\text{tháng}$. Thành phần bao gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ, pin, bóng đèn neon,...

+ Chất thải nguy hại dạng lỏng: $7\text{ lít}/\text{lần}$ thay dầu. Thành phần chủ yếu là dầu thải.

d. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các hoạt động thi công của các loại máy móc, thiết bị trên công trường. Các đối tượng bị tác động bao gồm người dân sinh sống xung quanh khu vực dự án, công nhân thi công tại công trường.

e. Các rủi ro, sự cố môi trường:

Các rủi ro, sự cố phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện dự án có thể xảy ra gồm: sự cố tai nạn lao động; sự cố giao thông; sự cố cháy nổ; sự cố an ninh trật tự, an toàn xã hội; sự cố mưa bão, lũ lụt, sét đánh; sự cố sụt lún, nứt, đổ công trình xây dựng, công trình nhà cửa, đường xá gần khu vực dự án.

f. Tác động của việc lấy đất lúa:

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, nhất là chuyển đổi mục đích diện tích đất trồng lúa (1.698,6m²) sang đất xây dựng công trình sẽ có tác động đến cơ cấu sử dụng đất của địa phương, ảnh hưởng đến tổng sản lượng lương thực hàng năm của địa phương. Tuy nhiên, do diện tích chuyển đổi mục đích không lớn, nên những tác động này không đáng kể.

3.2. Giai đoạn vận hành:

a. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải của dự án trong giai đoạn vận hành phát sinh không thường xuyên. Lượng nước thải lớn nhất được tính vào ngày diễn ra sự kiện tại sân vận động, cụ thể như sau:

- Nước thải sinh hoạt: Tổng lượng nước thải phát sinh là 1,235 m³/ngày.đêm. Thành phần chủ yếu: Chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước mưa chảy tràn có lưu lượng 45,043m³/h. Thành phần chủ yếu: chất động bề mặt, chất rắn lơ lửng, các chất hữu cơ, dầu mỡ và vi sinh vật gây bệnh,...

b. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi và khí thải trong giai đoạn vận hành của dự án chủ yếu là phát sinh từ: hoạt động của phương tiện giao thông; hoạt động tổ chức sự kiện. Phạm vi tác động chủ yếu trong khuôn viên dự án.

c. Quy mô, tính chất của chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại trong giai đoạn vận hành phát sinh không thường xuyên. Lượng phát thải lớn nhất được tính vào ngày diễn ra sự kiện tại sân vận động, cụ thể như sau:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh khoảng 66 kg/sự kiện. Trong đó: Chất thải rắn 13 kg/sự kiện; Chất thải rắn hữu cơ 53 kg/sự kiện. Thành phần chủ yếu là túi nilon, giấy, bìa carton, vỏ bao bì, thức ăn thừa,...

- Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh khoảng 3 kg/01 sự kiện. Thành phần bao gồm: Dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu nhớt, dung môi, Bóng đèn huỳnh quang, bình ắc quy, bình xịt côn trùng, pin,...

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư (giai đoạn xây dựng)

4.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

4.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

a. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa và hố gas tạm để thoát nước mưa, khoảng cách giữa các hố gas 50m/hố gas. Rãnh thoát nước mưa là các rãnh đào tạm thời kích thước sâu x rộng = 0,5x1(m); các hố gas tạm có kích thước $d \times r \times c = 0,8 \times 0,8 \times 0,8$ (m).

b. Biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ (lưu lượng 0,66 m³/ngày.đêm): Thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm thể tích 3,0 m³ (kích thước 2mx1,5mx1m), lót vải địa kỹ thuật HDPE, bố trí gần lán trại thi công. Nước thải sau khi xử lý thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực.

- Đối với nước thải vệ sinh (lưu lượng 0,432m³/ngày.đêm): Đơn vị thi công thuê 02 nhà vệ sinh di động có kích thước : 900 x 1.300 x 2.450 (mm); Dung tích bồn nước sạch: 400 lít; Dung tích hầm chứa phân: 500 lít. Hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 04 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

- Đối với nước thải từ ăn uống (lưu lượng 0,048 m³/ngày.đêm): Thu gom và xử lý sơ bộ bằng 01 bể lắng dầu(kích thước 1mx1mx1m), bằng BTCT, sau đó dẫn về hố lắng tạm (thể tích 3,0m³ cùng với nước thải tắm rửa, giặt giũ). Phần váng dầu mỡ đưa đi xử lý cùng với chất thải nhà vệ sinh. Nước thải sau khi xử lý thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng:

- Nước thải rửa xe thu gom và xử lý bằng hố lắng tạm 6 m³(kích thước 3m x 2m x 1m), lót vải địa kỹ thuật HDPE. Sau đó thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực dự án.

- Nước thải rửa dụng cụ thi công thu gom và xử lý bằng 01 hố lắng tạm 6m³ cùng với nước thải rửa lốp bánh xe (vị trí hố lắng bố trí gần cổng ra vào dự án), trước khi thải ra mương tiêu hiện trạng của khu vực.

4.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian nghỉ ngơi hợp lý cho công nhân.

- Phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng phải chở đúng trọng tải quy định của xe và có che phủ bạt phía trên để tránh rơi vãi trong quá trình di chuyển.

- Các máy móc, phương tiện thi công định kỳ bảo dưỡng với tần suất 03 tháng/lần.

- Có kế hoạch thi công hợp lý nhằm hạn chế các thiết bị máy móc thi công hoạt động đồng thời trong cùng một thời điểm.

- Bố trí công nhân quét dọn vệ sinh khu vực công trường, tuyến đường ra vào dự án khi thấy có đất, cát vương vãi.

- Phun nước làm ẩm, giảm bụi với tần suất 02 lần/ngày trong những ngày vận chuyển nguyên vật liệu, tần suất phun tưới nước có thể còn tăng lên 04 lần/ngày nếu thấy bụi xuất hiện nhiều trên tuyến đường vận chuyển.

4.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

a. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế thu gom riêng vào các thùng 30 lít (02 thùng) và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển với tần suất 1 lần/ngày; chất thải rắn sinh hoạt có thể tái chế thu gom riêng vào thùng nhựa composite 120 lít (01 thùng) đặt tại khu vực lán trại công nhân và bán cho cơ sở thu mua phế liệu.

b. Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng

- Thực vật phát quang (khối lượng 4,5 tấn) được thu gom và vận chuyển về bãi đổ thải.

- Chất thải rắn xây dựng rơi vãi có khối lượng là 68,23tấn được thu gom, phân loại, tận dụng làm vật liệu san nền.

- Đối với đất đào bóc hữu cơ và nạo vét bùn (khối lượng 3.497,76), tận dụng phần đất hữu cơ để cho các hộ dân xung quanh cải tạo đất, bùn thải được vận chuyển ra bãi thải Dốc Chùa, thôn 1 xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc (do UBND xã Vĩnh An quản lý), vị trí bãi thải cách dự án 2km.

4.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Trang bị 03 thùng chuyên dụng 100 lít/thùng để thu gom (trong đó 01 thùng chứa dầu nhớt thải, 01 thùng chứa chất thải rắn nguy hại và 01 thùng đựng bóng đèn huỳnh quang). Các thùng chứa chất thải nguy hại đều có nắp đậy kín, bên ngoài thùng có biểu tượng cảnh báo nguy hại, có dán nhãn mác và được đặt trong góc nhà kho diện tích khoảng 10m² để chờ đưa đi xử lý. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đưa đi xử lý sau khi kết thúc giai đoạn thi công xây dựng dự án.

4.2. Giai đoạn vận hành:

4.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

- Nước mưa chảy tràn: Thiết kế xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng xung quanh sân vận động.

- Nước thải sinh hoạt: Thuê nhà vệ sinh di động đặt trên sân vận động trong các ngày diễn ra sự kiện tập trung đông người (3 nhà vệ sinh di động dung tích thùng chứa nước thải 500l/nhà vệ sinh).

4.2.2. Về bụi, khí thải:

- Thiết kế, xây dựng bãi đỗ xe ngay cửa ra vào sân vận động để hạn chế tối đa nhất lượng bụi, khí thải phát sinh tại dự án.

- Phun nước làm ẩm đường nội bộ sân vận động, đoạn cổng ra vào sân vận động nhằm giảm bụi bốc bay theo lớp bánh xe trong những ngày diễn ra sự kiện.

4.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Quy định, khuyến khích khán giả đến sân thực hiện công tác bảo vệ vệ sinh môi trường như: không vứt rác bừa bãi ở khu vực sân vận động; bỏ rác đúng nơi quy định; phân loại rác trước khi bỏ vào thùng.

- Trang bị 04 thùng đựng rác loại 150 lít đặt ở bốn góc trên sân vận động để thu gom tất cả chất thải rắn chờ vận chuyển đi xử lý. Hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt đem đi xử lý theo đúng quy định, với tần suất 01 ngày/lần.

- Hợp đồng với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương thực hiện vệ sinh sân vận động sau khi diễn ra sự kiện.

4.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Trong các sự kiện được tổ chức trên sân vận động, bố trí 03 thùng nhựa dung tích 100l có nắp đậy và gắn nhãn cảnh báo chất thải nguy hại để thu gom chất thải nguy hại. 01 chứa bóng đèn huỳnh quang, 01 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn còn lại, 01 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng. Sau mỗi sự kiện chất thải nguy hại sẽ được vận chuyển về nơi tập kết chất thải nguy hại chung của xã.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại đi xử lý theo đúng quy định.

5. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, UBND huyện Vĩnh Lộc có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về môi trường, đất đai, xây dựng; tài nguyên, lâm nghiệp; an ninh, quốc phòng; bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, xả nước thải vào nguồn nước; các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Thực hiện yêu cầu khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường./.